

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TỘI GÂY Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

LÂM VĂN THÁI LỘC

Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Nhận bài ngày 12/7/2026. Sửa chữa xong 22/8/2026. Duyệt đăng 25/8/2026.

Abstract

This article examines the limitations and inadequacies of Article 235 of the 2015 Penal Code, as amended and supplemented in 2025, concerning the offense of causing environmental pollution. The principal issues include difficulties in imposing criminal liability on commercial legal entities; limitations in applying supplementary penalties, particularly prohibitions on holding certain positions or practicing particular professions; and the absence of clear criteria for determining serious, very serious, or particularly serious consequences. On this basis, the article proposes practical solutions to improve the relevant provisions of the Penal Code and strengthen the professional capacity of competent criminal justice authorities, thereby enhancing the prevention, investigation, prosecution, and adjudication of environmental pollution offenses in Vietnam.

Keywords: Commercial legal entities, corporate criminal liability, criminal law, environmental pollution offense, legislative improvement, serious consequences, supplementary penalties.

1. Đặt vấn đề

Môi trường là không gian tồn tại của con người, là nơi cung cấp cơ sở vật chất cho con người tồn tại và phát triển (Doãn Hồng Nhung, 2018). Tuy nhiên hiện nay, ô nhiễm môi trường vẫn là một vấn đề mà Việt Nam đang phải đối mặt. Đối với môi trường không khí, thực trạng ô nhiễm môi trường không khí ở nước ta đang đạt mức độ nguy hiểm. Tại các làng nghề, tình trạng xả thải chưa qua xử lý ra môi trường rất phổ biến, gây ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống và sức khỏe cộng đồng. Đối với môi trường nước, vấn đề xử lý chất thải vẫn còn tồn đọng tại các thành phố lớn và khu công nghiệp. Khi doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh chưa có hệ thống xử lý nước thải công nghiệp thì nước thải được đổ trực tiếp ra hệ thống kênh rạch công cộng hoặc ra sông, hồ, biển. Đối với môi trường đất, hiện nay chất lượng tài nguyên đất ở Việt Nam đang bị ảnh hưởng tiêu cực do nhiều nguyên nhân khác nhau, một trong số đó là sự tác động của chất thải rắn công nghiệp và chất thải rắn sinh hoạt. Trước thực trạng ô nhiễm môi trường gia tăng, Đảng và Nhà nước ta đã xác định bảo vệ môi trường là chính sách quan trọng. Điều này được thể hiện qua việc Hiến pháp năm 2013 ghi nhận quyền được sống trong môi trường trong lành của mỗi người tại Điều 43: "Mọi người có quyền được sống trong môi trường trong lành" (Quốc hội, 2025a). Tiếp đó, nhiều chỉ thị, nghị quyết cùng hàng loạt văn bản pháp luật liên quan đến quyền được sống trong môi trường trong lành và công tác bảo vệ môi trường đã được ban hành; trong đó, pháp luật hình sự giữ vai trò quan trọng. Tuy nhiên, việc áp dụng quy định tại Điều 235 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2025) vẫn còn tồn tại một số bất cập, khó khăn. Vì vậy, việc nghiên cứu một số vấn đề về tội gây ô nhiễm môi trường, từ đó đề xuất một số giải pháp góp phần hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự đối với loại tội phạm này là việc làm có ý nghĩa rất quan trọng và cần thiết.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số hạn chế, bất cập trong Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2025) về Tội gây ô nhiễm môi trường

2.1.1. Khó khăn trong việc áp dụng trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại phạm tội

Hiện nay, các cơ quan tiến hành tố tụng tại Việt Nam vẫn chưa có sự thống nhất trong nhận thức về trách

Email: lamvanthailoc@gmail.com

nhệm hình sự của pháp nhân thương mại (PNTM) dẫn đến tình trạng các tòa án ít xử lý trách nhiệm hình sự đối với PNTM phạm tội gây ô nhiễm môi trường. Điều này được thể hiện qua hai quan điểm sau:

+ Quan điểm thứ nhất cho rằng pháp nhân có khả năng thực hiện hành vi phạm tội tương tự như cá nhân bởi trên thực tế, nhiều hành vi phạm tội được thực hiện bắt nguồn từ một tập thể mà trong đó, từng thành viên đã suy nghĩ, cân nhắc và đưa ra quyết định sẽ thực hiện hành vi phạm tội. Tiếp theo, cá nhân là thành viên của PNTM đã nhân danh chính PNTM đó trực tiếp hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, giống như cá nhân, PNTM được coi là có bộ não, có hệ thần kinh trung ương, có ý chí và khả năng hành động. Từ đó, PNTM có thể đưa ra quyết định lựa chọn và thực hiện xử sự gây thiệt hại cho quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ thông qua các hoạt động và ý chí tập thể của các thành viên thuộc biên chế của PNTM. Cơ sở của quan điểm thứ nhất được dựa trên Khoản 2 Điều 2 và Khoản 1 Điều 8 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) (Quốc hội, 2025b). Khoản 2 Điều 2 quy định trách nhiệm hình sự chỉ được áp dụng đối với PNTM khi thực hiện một tội danh đã được liệt kê tại Điều 76 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Quy định này đã tạo ra cách hiểu rằng có hai hệ thống tội phạm - tội phạm do cá nhân thực hiện và tội phạm do PNTM thực hiện. Khác với cá nhân, PNTM khi thực hiện hành vi phạm tội chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về các tội được liệt kê tại Điều 76 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025)

+ Quan điểm thứ hai, PNTM là chủ thể chịu trách nhiệm hình sự: Theo đó, chỉ có tội phạm do cá nhân thực hiện và có thể có hai chủ thể cùng phải chịu trách nhiệm hình sự - chủ thể cá nhân phải chịu trách nhiệm hình sự trong mọi trường hợp và chủ thể là pháp nhân phải chịu trách nhiệm hình sự trong những trường hợp thỏa mãn các điều kiện được luật quy định (Nguyễn Ngọc Hòa, 2020). Việc thừa nhận và quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân về bản chất không làm thay đổi các vấn đề liên quan đến tội phạm mà chỉ có ý nghĩa ghi nhận thêm một chủ thể mới của trách nhiệm hình sự là pháp nhân, bên cạnh cá nhân. Cơ sở của quan điểm thứ hai đó là các học thuyết về trách nhiệm hình sự của pháp nhân bao gồm: thuyết trách nhiệm thay thế và thuyết đồng nhất trách nhiệm. Theo thuyết trách nhiệm thay thế, mọi hành vi mà người lao động hoặc đại diện của pháp nhân thực hiện trong khuôn khổ mối quan hệ giữa họ với pháp nhân theo quy định pháp luật đều được coi là hành vi của chính pháp nhân đó. Người lao động và đại diện phải thực hiện công việc theo sự phân công của pháp nhân, đồng thời tuân thủ các quy định, nội quy và quy trình làm việc trong phạm vi trách nhiệm của họ. Vì vậy, nếu họ có sai phạm, pháp nhân sẽ phải chịu trách nhiệm. Trong khi đó, thuyết đồng nhất trách nhiệm quan niệm rằng hành vi và lỗi của những người quản lý, điều hành pháp nhân được xem như chính hành vi và lỗi của pháp nhân (tức là cá nhân và pháp nhân được đồng nhất với nhau). Nói cách khác, trách nhiệm của pháp nhân được xác định thông qua hành vi và lỗi của những người đứng đầu, chỉ huy và điều hành tổ chức đó. Trên cơ sở hai học thuyết này, Điều 75 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định rằng người đứng đầu PNTM, người đại diện cho PNTM theo pháp luật hoặc cá nhân được người đứng đầu PNTM ủy quyền thực hiện hành vi phạm tội vì lợi ích của PNTM trên cơ sở được chính PNTM chỉ đạo, điều hành. Trong khi đó, chủ thể của tội gây ô nhiễm môi trường là người, PNTM thỏa mãn các điều kiện chủ thể theo quy định của Luật Hình sự (Trịnh Quốc Toàn, 2022). Sự thiếu thống nhất trong nhận thức về trách nhiệm hình sự của PNTM dẫn đến tình trạng các tòa án ít xử lý hình sự đối với PNTM phạm tội gây ô nhiễm môi trường, điển hình như vụ án sau:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn V là Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Thành viên góp vốn của công ty gồm bị cáo Trần Hữu L và vợ bị cáo là bà Nguyễn Thị A. Bị cáo L giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc công ty. Ngành nghề chính của công ty là mua bán phế thải, phế liệu kim loại, sắt thép phế liệu, phế loại kim loại màu, đồng nát, tái chế phế liệu; đúc sắt, thép và kim loại màu; ngoài ra còn nhiều ngành nghề khác. Năm 2017 bị cáo L đã mua 1.074m² đất trồng lúa của hộ gia đình ông Phạm Văn M. Từ năm 2017 đến tháng 8/2020, L thuê người vận chuyển chất thải rắn phát sinh từ quá trình nấu sắt, thép, đá thạch anh, thay vỏ lò của Công ty ra khu đất trồng lúa mua của ông M và trả tiền công theo từng chuyến. Từ tháng 9/2020, L thuê anh Ngô Văn C là công nhân của Công ty TNHH V sử dụng công nông tự chế của anh C vận chuyển chất thải rắn công nghiệp từ

trong khu vực nhà xưởng của Công ty TNHH V ra khu đất trồng lúa mà bị cáo mua của ông M. Ngày 21/12/2021, Phòng Cảnh sát Môi trường Công an tỉnh Hà Nam đã phối hợp với các cơ quan chức năng đã xác định khối lượng chất thải của Công ty TNHH V mà L đã thuê người vận chuyển ra khu đất ruộng là 3.084.100 kg chất thải rắn công nghiệp thông thường. Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Hữu L phạm tội “gây ô nhiễm môi trường”, xử phạt bị cáo L 1.200.000.000 đồng nộp bổ sung ngân sách nhà nước. Đối với bà Nguyễn Thị A là thành viên thứ hai Hội đồng thành viên Công ty TNHH V và là vợ của bị cáo L; tài liệu điều tra xác định từ khi Công ty TNHH V thành lập năm 2003 đến thời điểm phát hiện vụ việc, bà A không tham gia họp Hội đồng để đưa ra những quyết sách liên quan đến các vấn đề của Công ty. Tất cả các hoạt động giao dịch, sản xuất của Công ty đều do L quản lý và chỉ đạo trực tiếp. Việc L mua đất ruộng và chỉ đạo việc đưa chất thải rắn của Công ty ra khu vực đất ruộng thì bà A không biết và không tham gia, không liên quan. Do vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý đối với bà A.

Nhận xét:

Trong vụ án trên, có ý kiến cho rằng Công ty TNHH V đã thỏa mãn đủ các dấu hiệu được quy định tại Điều 75 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và nay là Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) nhưng Hội đồng xét xử vẫn không xử lý TNHS đối với công ty này, cụ thể:

- Hành vi thuê công nhân sử dụng công nông tự chế đổ chất thải rắn công nghiệp một cách trái pháp luật được thực hiện bởi Trần Hữu L với tư cách là Chủ tịch hội đồng thành viên kiêm giám đốc công ty TNHH V. Theo đó, bị cáo L là người đứng đầu công ty TNHH V và đã thực hiện hành vi phạm tội trên danh nghĩa của công ty TNHH V, thỏa mãn điều kiện quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 75 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) (Quốc hội, 2021).

- Hành vi thuê công nhân sử dụng công nông tự chế đổ chất thải rắn công nghiệp một cách trái pháp luật mà L thực hiện xuất phát từ nguyên nhân do lượng nước thải và chất thải rắn công nghiệp tăng trong khi khuôn viên trong công ty không còn chỗ để san lấp. Vì vậy, hành vi của L được thực hiện vì lợi ích của công ty TNHH V, thỏa mãn điều kiện quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 75 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) (Quốc hội, 2021).

- Hành vi phạm tội được chỉ đạo, điều hành bởi Trần Hữu L với tư cách là Chủ tịch hội đồng thành viên kiêm giám đốc công ty TNHH V. Trong khi đó, mặc dù bà A là thành viên thứ hai Hội đồng thành viên công ty TNHH V nhưng từ khi Công ty thành lập đến thời điểm phát hiện vụ việc, bà không tham gia họp Hội đồng để đưa ra những quyết sách liên quan đến các vấn đề của Công ty. Tất cả các hoạt động giao dịch, sản xuất của Công ty; bà A đều tin tưởng và đồng ý với sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của L. Vì vậy, có thể khẳng định rằng hành vi đổ chất thải rắn công nghiệp thông thường trái phép được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu công ty TNHH V, thỏa mãn điều kiện quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 75 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) (Quốc hội, 2021).

2.1.2. Bất cập trong việc hạn chế áp dụng hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định

Theo Khoản 5 Điều 235 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), chỉ nên cấm đảm nhiệm chức vụ đối với người lợi dụng chức vụ quyền hạn để gây ô nhiễm môi trường còn cấm hành nghề hoặc công việc nhất định thì nên cấm làm những nghề hoặc công việc nhất định có liên quan đến hành vi gây ô nhiễm môi trường (Đinh Văn Quế, 2023). Tuy nhiên, trong một số trường hợp, Hội đồng xét xử còn chưa mạnh dạn áp dụng hình phạt bổ sung này đối với người đứng đầu công ty phạm tội gây ô nhiễm môi trường. Để làm rõ luận điểm này, tác giả đưa ra dẫn chứng thông qua vụ án sau:

Ngày 05/9/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam quyết định phê duyệt cho Công ty TC đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn và bê tông thương phẩm tại địa bàn thị trấn Q, huyện K. Ngày 01/10/2019, Hội đồng thành viên Công ty TC họp bổ nhiệm Nguyễn Bá D giữ chức vụ Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Quá trình sản xuất của Công ty TC phát sinh một số loại chất gồm: Bùn bê tông khô cứng, các loại cục mẫu nén bê tông thí nghiệm thải bỏ, các mảng vữa, bê tông đông cứng thải loại xen lẫn cát, đá, mặt, đất cùng một số tạp chất khác không tái sản xuất được. Theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam

phê duyệt thì các chất nêu trên phải được thu gom vào đúng nơi quy định, một số chất có thể được sử dụng vào mục đích khác, còn các chất không tái sử dụng được thì Công ty phải thuê đơn vị có chức năng thu gom và xử lý hợp vệ sinh. Tuy nhiên, từ khoảng tháng 9/2022 đến tháng 6/2023, Nguyễn Bá D đã tự ý chỉ đạo, điều hành 02 công nhân của Công ty là anh Đỗ Văn S và ông Nguyễn Văn T điều khiển máy xúc lật thu gom, vận chuyển các loại vật chất nêu trên đổ, tập kết trái phép hoàn toàn ra phần diện tích 4.279m² đất trồng lúa phía Đông mà Công ty không được phép sử dụng. Công an huyện Kim Bảng đã phối hợp với UBND thị trấn Q lập biên bản xác định sự việc, thu giữ tổng số 172.820 kg các chất nghi là chất thải, sau đó bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Bảng giải quyết theo thẩm quyền. Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Bá D phạm tội “*Gây ô nhiễm môi trường*”, xử phạt bị cáo Nguyễn Bá D số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) và không áp dụng hình phạt bổ sung.

Theo tác giả, việc hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ đối với Nguyễn Bá D sẽ không đảm bảo được sự ngăn ngừa nếu bị cáo tiếp tục lợi dụng chức vụ Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty để thực hiện hành vi phạm tội gây ô nhiễm môi trường. Vì vậy, bị cáo D hoàn toàn đủ điều kiện theo quy định tại Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và hiện nay là Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) để hội đồng xét xử có thể áp dụng hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ: “*Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định được áp dụng khi xét thấy nếu để người bị kết án đảm nhiệm chức vụ, hành nghề hoặc làm công việc đó thì có thể gây nguy hại cho xã hội*” (Quốc hội, 2025b).

2.1.3. Bất cập về tình tiết gây hậu quả nghiêm trọng, hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng

Điểm e Khoản 2 và Điểm e Khoản 3 Điều 235 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định rằng chủ thể thực hiện hành vi gây ô nhiễm môi trường phải chịu trách nhiệm hình sự nếu hành vi đó gây ra hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.

Theo Nguyễn Ngọc Hòa (2018), đây là trường hợp phạm tội đã gây ra thiệt hại nghiêm trọng như làm môi trường bị ô nhiễm nghiêm trọng, gây thiệt hại nghiêm trọng về tài sản hoặc ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của con người,... Có thể thấy đây là những tình tiết, hậu quả mang tính phi vật chất nên việc đánh giá, áp dụng để mang tính tùy nghi, phụ thuộc vào nhận thức của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Có ý kiến cho rằng trong khi chưa có hướng dẫn cụ thể, các cơ quan tiến hành tố tụng có thể tham khảo mục 1.4, 1.5, 1.6 Thông tư liên tịch số 19/2007/TTLT-BNN-BTP-BCA-VKSNDTC-TANDTC hướng dẫn áp dụng một số điều của Bộ luật Hình sự về các tội phạm trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản. Tuy nhiên, các mức độ gây hậu quả được quy định tại những mục này lại phụ thuộc vào khối lượng của loại gỗ bị khai thác, vận chuyển, buôn bán trái phép. Trong khi đó, Khoản 12 Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định ô nhiễm môi trường là sự biến đổi tính chất vật lý, hóa học, sinh học của thành phần môi trường không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật môi trường, tiêu chuẩn môi trường gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, sinh vật và tự nhiên. Có thể thấy, việc quy định hậu quả nghiêm trọng, hậu quả rất nghiêm trọng và hậu quả đặc biệt nghiêm trọng tại mục 1.4, 1.5, 1.6 Thông tư liên tịch số 19/2007/TTLT-BNN-BTP-BCA-VKSNDTC-TANDTC chưa mô tả được ảnh hưởng xấu mà hành vi khai thác, vận chuyển, buôn bán trái phép gỗ tác động lên sức khỏe con người, sinh vật và tự nhiên như thế nào. Hơn nữa, Thông tư liên tịch số 19/2007/TTLT-BNN-BTP-BCA-VKSNDTC-TANDTC là văn bản hướng dẫn đối với các tội phạm quy định tại Bộ luật hình sự năm 1999 và đã bị bãi bỏ bởi thông tư liên tịch số 14/2020/TTLT-BNNPTNT-BTP-BCA-VKSNDTC-TANDTC nên không thể áp dụng hay tham khảo để xác định tình tiết “*gây hậu quả nghiêm trọng*” tại Khoản 2 Điều 235 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

2.2. Một số giải pháp hoàn thiện các quy định pháp luật hình sự về Tội gây ô nhiễm môi trường

2.2.1. Sửa đổi quy định về khái niệm tội phạm trong Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) theo hướng không thừa nhận có hai loại tội phạm riêng biệt

Tội phạm do cá nhân thực hiện và tội phạm do PNTM thực hiện. Hiện nay, cách diễn đạt trong quy định tại Điều 8 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) dễ khiến người đọc hiểu theo hướng có hai loại tội phạm riêng biệt: tội phạm do cá nhân thực hiện và tội phạm do PNTM thực hiện. Do đó, để tránh

sự hiểu lầm không đáng có và đồng thời hoàn thiện kỹ thuật lập pháp, cần loại bỏ cụm từ “hoặc Pháp nhân thương mại” tại khoản 1 Điều 8. Thay vào đó, nên bổ sung thêm một khoản riêng với nội dung rõ ràng rằng: “PNTM bị coi là chủ thể thực hiện tội phạm và phải chịu trách nhiệm hình sự khi hành vi phạm tội đáp ứng đầy đủ các điều kiện chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật này.” Cách quy định trên không những phản ánh đúng thực chất của vấn đề mà còn giúp người đọc, người áp dụng pháp luật hiểu một cách nhất quán rằng pháp nhân không độc lập phạm tội như cá nhân mà trách nhiệm hình sự của pháp nhân phát sinh từ những hành vi cụ thể do cá nhân thực hiện nhân danh hoặc vì lợi ích của pháp nhân. Việc sửa đổi định nghĩa theo hướng đó không chỉ bảo đảm sự thống nhất giữa Điều 8 và các điều luật khác liên quan đến trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong Bộ luật Hình sự mà còn góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trong thực tiễn, tránh những cách hiểu và vận dụng thiếu nhất quán trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử các vụ án có liên quan đến PNTM nói chung và tội gây ô nhiễm môi trường nói riêng.

2.2.2. Về tình tiết gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng

Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cần sớm ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết việc áp dụng tình tiết định khung cơ bản, định khung tăng nặng đối với tình tiết tại khoản 2 “gây hậu quả nghiêm trọng” và khoản 3 “gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng” trong Điều 235 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Theo quan điểm của tác giả, các nhà làm luật có thể tham khảo quy định tại Điều 237 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) làm hướng dẫn cho việc thống nhất nhận thức đối với các tình tiết này như sau:

Gây hậu quả nghiêm trọng được hiểu là làm môi trường bị ô nhiễm nghiêm trọng hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121% hoặc gây thiệt hại từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng.

Gây hậu quả rất nghiêm trọng được hiểu là việc hành vi gây ô nhiễm môi trường đã làm chết người; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%; gây thiệt hại từ 3.000.000.000 đồng đến dưới 7.000.000.000 đồng.

Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng được hiểu là việc hành vi gây ô nhiễm môi trường đã làm chết 02 người trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên; gây thiệt hại 7.000.000.000 đồng trở lên.

Việc sớm ban hành Nghị quyết hướng dẫn sẽ giúp cho các cơ quan tiến hành tố tụng có sự nhận thức một cách thống nhất về cách áp dụng tình tiết “Gây hậu quả nghiêm trọng”, “Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng” trong thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử đối với Tội gây ô nhiễm môi trường. Từ đó, các cơ quan tiến hành tố tụng sẽ có cơ sở pháp lý để tiến hành truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội một cách cụ thể hơn, góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác phòng chống loại tội phạm này.

2.2.3. Tiếp tục nâng cao trình độ, năng lực đội ngũ cán bộ xử lý các vụ án hình sự về tội gây ô nhiễm môi trường

Các cơ quan chức năng cần nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ giải quyết các vụ án hình sự về tội gây ô nhiễm môi trường thông qua đào tạo, tập huấn định kỳ để tăng cường kỹ năng điều tra, truy tố và xét xử. Hàng năm, các cơ quan Công an, Viện Kiểm sát, Tòa án cần mở các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu về điều tra, truy tố, xét xử tội phạm đối với tội phạm về môi trường nói chung và Tội gây ô nhiễm môi trường nói riêng; tăng cường các loại hình bồi dưỡng cán bộ như: tập huấn, hội thảo chuyên đề, mời chuyên gia về địa phương giảng dạy,... Đối với các tòa án nhân dân trên địa bàn các tỉnh, thành phố; cần tổ chức các phiên tòa rút kinh nghiệm theo chỉ đạo của Tòa án nhân dân tối cao, thực hiện sinh hoạt nghiệp vụ định kỳ hàng tháng của tập thể Thẩm phán và Thư ký và Hội thẩm nhân dân để rút kinh nghiệm đối với các vụ án. Tổ chức cho các Hội thẩm nhân dân được tham gia đầy đủ và đảm bảo thời gian các đợt tập huấn nghiệp vụ để nắm vững các văn bản pháp luật nhất là các văn bản pháp luật mới; trang bị tài liệu chuyên môn và tạo mọi điều kiện thuận lợi về chế độ và cơ sở vật chất khác cho các Hội thẩm khi tham gia xét xử.

3. Kết luận

Có thể thấy, quy định tại Điều 235 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) đối với Tội gây ô nhiễm môi trường hiện nay vẫn còn tồn tại một số bất cập, hạn chế bao gồm: Khó khăn trong việc áp dụng trách nhiệm hình sự đối với PNTM phạm tội; bất cập trong việc hạn chế áp dụng hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; bất cập về tình tiết gây hậu quả nghiêm trọng, hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng. Trên cơ sở đó, tác giả đã đề xuất một số giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật hình sự đối với loại tội phạm này như sau: sửa đổi quy định về khái niệm tội phạm trong Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) theo hướng không thừa nhận có hai loại tội phạm riêng biệt, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cần sớm ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết việc áp dụng tình tiết “gây hậu quả nghiêm trọng” và “gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng”; cần tiếp tục nâng cao trình độ, năng lực đội ngũ cán bộ xử lý các vụ án hình sự về tội gây ô nhiễm môi trường.

Tài liệu tham khảo

- Doãn Hồng Nhung (chủ biên, 2018). *Pháp luật về bảo vệ môi trường ở Việt Nam*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 25.
- Đinh Văn Quế (2023). *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 2015 (phần thứ hai - Các tội phạm) Chương XIX: Các tội phạm về môi trường*. NXB Thông tin và Truyền thông, tr. 57.
- Nguyễn Ngọc Hòa (chủ biên, 2018). *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017 - Phần các tội phạm, quyển 1)*. NXB Tư pháp, tr. 597.
- Nguyễn Ngọc Hòa (2020). *Trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại nhận thức cần thống nhất*. NXB Tư pháp, tr. 391.
- Quốc hội (2021). *Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, tr. 56.
- Quốc hội (2025a). *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025)*. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, tr. 25.
- Quốc hội (2025b). *Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025)*. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, tr. 32.
- Trịnh Quốc Toàn (2022). *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam - Phần các tội phạm*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 545.

CÁC HÀNH VI BỊ NGHIÊM CẤM THEO ĐIỂM Đ KHOẢN 2...

Tiếp theo 0 trang 376

3. Kết luận

Luật An ninh mạng năm 2025, có hiệu lực từ ngày 01/7/2026 đã tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý nhằm phòng ngừa và xử lý các hành vi xâm phạm an ninh, an toàn trên KGM. Có thể nói, đây là hành lang pháp lý quan trọng giúp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi xâm phạm trật tự an toàn xã hội trên KGM. Các hành vi quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 7 như lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đánh bạc trực tuyến, trộm cắp cước viễn thông, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ bị cấm và xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đang diễn biến ngày càng tinh vi, gây tác động đáng kể đến tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức. Trong bối cảnh đó, phòng ngừa cần được đặt ở vị trí trọng tâm, với sự phối hợp giữa Nhà nước, doanh nghiệp và người dân. Hoàn thiện pháp luật, tăng cường ứng dụng công nghệ, bảo vệ dữ liệu, nâng cao kỹ năng số và đẩy mạnh hợp tác quốc tế là những giải pháp có tính nền tảng. Qua đó góp phần nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật, củng cố niềm tin và xây dựng KGM Việt Nam an toàn, lành mạnh, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Tài liệu tham khảo

- Báo Điện tử Chính phủ (2026). *Những nội dung mới trong Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15*. <https://xaydungchinhsach.chinhphu.vn/nhung-noi-dung-moi-trong-luat-an-ninh-mang-so-116-2025-gh15-119260629145615168.htm>, ngày 29/6/2026.
- Chính phủ (2026a). *Nghị định số 333/2026/NĐ-CP, ngày 19/8/2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật An ninh mạng*.
- Chính phủ (2026b). *Quyết định số 437/QĐ-TTg, ngày 16/3/2026 ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật An ninh mạng*.
- Quốc hội (2017). *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2025/QH13*. Luật số 12/2017/QH14, ngày 20/6/2017.
- Quốc hội (2025). *Luật An ninh mạng*. Luật số 116/2025/QH15, ngày 10/12/2025, có hiệu lực từ ngày 01/07/2026.
- Trần Thị Thu Phương (2021). *Quy định chung của Liên minh châu Âu về bảo vệ dữ liệu cá nhân và một số khuyến nghị đến Quốc hội, Chính phủ và doanh nghiệp Việt Nam*. Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 23(447), tháng 12, tr. 41-49.